TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05-9-2023
V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vi Hồng Nhung;

Bà Trịnh Thị Thúy Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị S, sinh năm 1975; nơi đăng ký hộ khẩu trường trú: Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; hiện đang trú tại: Thôn H, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1968; trú tại: Thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Triệu Thị S trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh H quen biết qua sự giới thiệu của người quen và về chung sống với nhau từ năm 2002, tuy nhiên cả hai không có đăng ký kết hôn mà chỉ chung sống với nhau như vợ chồng. Quá trình chung sống anh Nguyễn Thanh H thường xuyên rượu chè, cờ bạc, trước đây thì tần xuất còn ít, nhưng sau đó anh Nguyễn Thanh H không hề thay đổi mà ngày càng nghiện rượu, mùng 10 tết năm 2018 âm lịch, anh Nguyễn Thanh H có uống rượu say, về nhà 2 vợ chồng to tiếng qua lại, xô xát, anh Nguyễn Thanh H đẩy ngã chị làm tràn dịch màng phổi, phải đi bệnh viện cấp cứu nhưng nghĩ đến các con nên khi đó chị không trình báo chính quyền địa phương. Nhưng anh Nguyễn Thanh H không hề thay đổi, bán hết cả trâu bò, vườn cây, đỉnh điểm nhất là tháng 8/2020, anh Nguyễn Thanh H uống rượu say, hai bên có to tiếng, cãi vã nên chị cùng với 02 con về bên ngoại ở thôn H, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định không thể duy trì được tình trạng như này được nữa nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Thanh H.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Thanh H có 02 con chung là cháu Triệu Thành L, sinh ngày 16/5/2001, đã trưởng thành và cháu Triệu Khánh P, sinh ngày 25/4/2013. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu Triệu Khánh P cùng với chị về bên ngoại ở thôn H, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, hàng ngày chị vẫn đi làm ở Bắc Giang còn cháu Triệu Khánh P ở nhà ngoại tại xã H để đi học cho thuận tiện, tuy nhiên bản thân chị vẫn đi lại thường xuyên chăm sóc con, nuôi dưỡng con, còn anh Nguyễn Thanh H mặc dù ở nhà nhưng không quan tâm gì đến con cái, do vậy khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Triệu Khánh P và không yêu cầu anh Nguyễn Thanh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, thông báo hợp lệ nhưng bị đơn anh Nguyễn Thanh H đều vắng mặt không có lý do, không có văn bản gì thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị S.

Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến của cháu Triệu Khánh P, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Triệu Thị S khi bố mẹ không còn chung sống với nhau.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4

Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị S và anh Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Giao cháu Triệu Khánh P, sinh ngày 25/4/2013 cho chị Triệu Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Triệu Thị S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị Triệu Thị S cung cấp gồm có: Đơn khởi kiện, giấy tờ tùy thân của chị Triệu Thị S, anh Nguyễn Thanh H, giấy khai sinh của các con chung, đơn xin xác nhận, xác nhận thông tin về cư trú.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh H không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm có: Biên bản lấy lời khai của cháu Triệu Khánh P; biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu tranh chấp nuôi con, không hòa giải về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên bị đơn anh Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được vụ án, Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Triệu Thị S khởi kiện ly hôn trong trường hợp xác định không có đăng ký kết hôn, tranh chấp nuôi con chung. Bị đơn anh Nguyễn Thanh H có hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đang cư

trú tại thôn Q, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn do vậy Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của nguyên đơn thì chị và anh Nguyễn Thanh H chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn, phù hợp với xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T. Như vậy, cuộc hôn nhân giữa chị Triệu Thị S và anh Nguyễn Thanh H không được pháp luật công nhận, mặt khác thực tế cuộc sống giữa chị Triệu Thị S và anh Nguyễn Thanh H có nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay. Do vậy Hội đồng xét xử thấy cần không công nhận chị Triệu Thị S và anh Nguyễn Thanh H là vợ chồng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm c khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

[4] Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là cháu Triệu Thành L, sinh ngày 16/5/2001, đã trưởng thành và cháu Triệu Khánh P, sinh ngày 25/4/2013. Từ khi vợ chồng ly thân, cháu Triệu Khánh P vẫn sinh sống cùng với chị Triệu Thị S, do chị Triệu Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, hiện nay chị Triệu Thị S đang đi làm công ty ở Bắc Giang có ký hợp đồng với thu nhập trung bình 6.000.000 đồng/tháng. Còn cháu Triệu Khánh P ở nhà tại xã H, huyện C cùng với gia đình bên ngoại chị S để đi học cho thuận tiện, tuy nhiên Triệu Thị S vẫn đi lại thường xuyên chăm sóc con, nuôi dưỡng cháu Triệu Khánh P. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu nuôi con của chị Triệu Thị S phù hợp với thực tế cuộc sống của gia đình chị, phù hợp với nguyện vọng của cháu Triệu Khánh P nên chấp nhận yêu cầu của chị Triệu Thị S.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Triệu Thị S là nguyên đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp về nội dung của vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; các Điều 266, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 58, 81, 82, 83, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Triệu Thị S và anh Nguyễn Thanh H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Khánh P, sinh ngày 25/4/2013 cho chị Triệu Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Triệu Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp Ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Triệu Thị S đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003220 ngày 02 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Triệu Thị S có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Thanh H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn
- VKSND huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHA DS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trương Thị Hương Giang